VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/

DISCOURSE ON CULTURAL AND EDUCATIONAL COOPERATION BETWEEN THE PHILIPPINES AND JAPAN IN THEIR JOINT STATEMENTS (2011, 2015, 2023)

Hoang Nguyen Thu Trang*, Khuong Ha Linh, Nguyen Thi Nhu Quynh

VNU University of Languages and International Studies, No. 2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 11 January 2026
Revised 19 May 2026; Accepted 22 October 2026

Abstract: Diplomatic texts do not merely record policy - they construct and reproduce relations of power as well. Drawing on Critical Discourse Analysis and the Discourse-Historical Approach, this study examines how cultural and educational cooperation is discursively constituted across three Japan-Philippines Joint Declarations (2011, 2015, 2023), analyzed through four intertextual criteria: lexical repetition, policy cross-referencing, recurrent grammatical patterns, and shared ideological framings. While the proportion of cultural and educational content in each declaration tends to be reduced by more than half and then rise slightly, nominalization density in educational and cultural content rises from 6.07% to 13.83% before falling slightly to 11.16% across the declarations. Qualitatively, a consistent discursive trajectory of establishment → naturalization → institutionalization is identified, through which Japan - Philippines power asymmetry is not reduced but progressively concealed - from Japan as explicit grammatical agent (2011) to symmetrical collective subjects (2015), to programs-as-agents (2023). Four constitutive absences persist across all three texts, confirming a stable shared ideological framework. These findings extend soft power theory by demonstrating that soft power is inscribed through micro-level discursive choices and in program content.

Keywords: Japan - Philippines relations, cultural and educational cooperation, power asymmetry

* Corresponding author.
Email address: tranghnt@vnu.edu.vn
https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5715

DIỄN NGÔN HỢP TÁC VĂN HÓA - GIÁO DỤC GIỮA PHI-LÍP-PIN VÀ NHẬT BẢN TRONG CÁC TUYÊN BỐ CHUNG (NĂM 2011, 2015, 2023)

Hoàng Nguyễn Thu Trang, Khương Hà Linh, Nguyễn Thị Như Quỳnh

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 11 tháng 01 năm 2026
Chỉnh sửa ngày 19 tháng 5 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 10 năm 2026

Tóm tắt: Các văn bản ngoại giao không chỉ truyền tải nội dung chính sách đối ngoại mà còn phát triển và tái tạo quan hệ quyền lực. Để có thể làm rõ cách thức hợp tác văn hóa - giáo dục được phát triển về mặt diễn ngôn trong ba tuyên bố chung Phi-líp-pin - Nhật Bản (2011, 2015, 2023), nghiên cứu này° vận dụng Phân tích diễn ngôn phê phán và Phân tích diễn ngôn - lịch sử, cụ thể là xác định phép lặp từ vựng, tham chiếu chính sách, phép lặp mô thức ngữ pháp và khung tư tưởng chung. Trong khi tỷ lệ nội dung văn hóa - giáo dục trong mỗi tuyên bố có xu hướng giảm hơn nửa rồi tăng nhẹ trở lại, mật độ danh từ hóa trong nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục lại tăng từ 6,07% lên 13,83% trước khi giảm nhẹ xuống 11,16% trong các tuyên bố chung này. Việc tổng hợp kết quả định tính hé lộ một xu hướng phát triển diễn ngôn theo hướng xác lập → tự nhiên hóa → thể chế hóa. Theo đó, sự bất đối xứng quyền lực giữa Nhật Bản và Phi-líp-pin không bị giảm bớt mà ngày càng được ẩn giấu khéo léo hơn: từ chỗ Nhật Bản là tác nhân ngữ pháp tường minh (2011), đến "cảm giác bình đẳng" được tạo bởi sự hiện diện của các chủ ngữ tập thể đối xứng (2015), và đến việc không nhắc đến nhưng lại gợi ra vai trò chủ động của Nhật Bản qua thủ pháp diễn đạt các "chương trình với vai trò tác nhân" trong tuyên bố chung của lãnh đạo hai bên (2023). Khung tư tưởng chung tương đối ổn định này góp phần mở rộng lý thuyết quyền lực mềm: quyền lực mềm không chỉ được kiến tạo qua nội dung chương trình mà còn được hàm ẩn trong các lựa chọn diễn ngôn ở cấp độ vi mô.

Từ khóa: quan hệ Phi-líp-pin - Nhật Bản, hợp tác văn hóa - giáo dục, bất đối xứng

1. Đặt vấn đề

Trong quan hệ quốc tế, quyền lực - được định nghĩa là "khả năng của một quốc gia trong việc chỉ đạo hoặc gây ảnh hưởng đến hành vi của các quốc gia khác, các chủ thể phi nhà nước và diễn tiến của các sự kiện quốc tế" (Lowy Institute, 2025a) - không chỉ được thực thi thông qua các công cụ kinh tế hay quân sự mà còn được kiến tạo thông qua diễn ngôn ngoại giao (Fairclough, 2010). Theo đó, sự chênh lệch về thứ hạng quyền lực quốc gia (Nhật Bản xếp thứ 4 và Phi-líp-pin xếp thứ 15 theo bảng xếp hạng của Lowy Institute, 2025b) có thể ảnh hưởng đến cách diễn đạt nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục song phương. Lĩnh vực hợp tác này vốn được xem là công cụ thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và xây dựng quan hệ đối tác lâu dài (Velasco, 2023), đồng thời góp phần kiến tạo tính chính danh và gia tăng ảnh hưởng quốc tế của quốc gia (Nye, 1990, 2004).

Theo quan điểm của Phân tích diễn ngôn phê phán (CDA), hợp tác văn hóa - giáo dục trong các văn bản ngoại giao không mang tính trung lập mà có thể tái hiện các quan hệ quyền lực và chuẩn mực quốc tế (Reisigl & Wodak, 2015, tr. 60). Nhận định này được làm rõ thông

° Nghiên cứu này được cấp kinh phí bởi Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong khuôn khổ Nhiệm vụ KHCN & ĐMST cấp trường mã số N.25.16

qua việc so sánh nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục trong ba tuyên bố chung giữa Phi-líp-pin và Nhật Bản vào các năm 2011, 2015 và 2023. Cụ thể, nghiên cứu tìm hiểu đặc điểm từ vựng, ngữ pháp và tính liên văn bản của diễn ngôn hợp tác văn hóa - giáo dục, đồng thời phân tích cách thức hai nước duy trì hoặc tái cấu trúc quan hệ quyền lực qua các giai đoạn phát triển của quan hệ Phi-líp-pin - Nhật Bản. Tóm lại, nghiên cứu được thực hiện nhằm trả lời các câu hỏi sau:

(1) Các tuyên bố chung năm 2011, 2015 và 2023 thể hiện những thay đổi nào về từ vựng và tư tưởng trong quan hệ song phương?

(2) Các thỏa thuận, chương trình và khuôn khổ hợp tác trước đó được thể hiện như thế nào trong ba văn bản này? Việc viện dẫn các nội dung đó nhằm mục đích gì?

(3) Những cấu trúc ngữ pháp và thủ pháp tu từ nào được lặp lại, đặc trưng cho cách thể hiện hợp tác văn hóa - giáo dục trong ba tuyên bố chung? Những đặc điểm này phản ánh mô thức diễn ngôn nào?

(4) Những khuôn khổ hệ tư tưởng chung nào được tái hiện trong cả ba tuyên bố chung?

2. Nghiên cứu

2.1. Tổng quan tài liệu

Một số nghiên cứu về quan hệ Phi-líp-pin - Nhật Bản chỉ ra những thay đổi về diễn ngôn theo thời gian. Các nghiên cứu về giai đoạn cuối thế kỷ XX đến những năm đầu thế kỷ XXI (ví dụ, Hellmann, 1979) cho thấy các hoạt động hợp tác văn hóa - giáo dục được xem là cầu nối, mở đường cho quan hệ song phương nhằm khép lại quá khứ Nhật Bản đưa quân sang Phi-líp-pin. Đến thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, các diễn ngôn về quan hệ song phương đã thể hiện rõ dấu ấn địa chính trị của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (Envall, 2020). Vận dụng lý thuyết quyền lực mềm của Nye (1990, 2004), Gu và Deng (2024) chỉ ra sự mở rộng của ngành công nghiệp văn hóa Nhật Bản, đặc biệt là phim hoạt hình và truyện tranh hiện đại, cũng như việc sử dụng chương trình giảng dạy tiếng Nhật như một công cụ tạo ảnh hưởng trên trường quốc tế, nhất là tại khu vực châu Á.

Các nghiên cứu về quan hệ Phi-líp-pin - Nhật Bản thường tiếp cận từ góc nhìn của Nhật Bản và dựa trên các lý thuyết về quan hệ quyền lực bất cân xứng. Theo đó, Trinidad và Chua (2024) chỉ ra vai trò chủ động của Nhật Bản cũng như sự thiếu chủ động của Phi-líp-pin. Tuy nhiên, ngôn ngữ cũng góp phần đáng kể vào quá trình định hình và "tự nhiên hóa" mối quan hệ được cho là bất cân xứng này. Chẳng hạn, các chương trình học bổng, tài trợ trao đổi học giả, v.v. thường phân định vai trò giữa bên "cho" và bên "nhận" (Tikly, 2016; Robertson, 2012). Sự gia tăng các nội dung về văn hóa - giáo dục bên cạnh các hoạt động quốc phòng - an ninh cũng nằm trong mục tiêu mở rộng ảnh hưởng tại khu vực thông qua chính sách Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Nhật Bản (Envall, 2020). Tuy nhiên, vẫn còn khoảng trống nghiên cứu về cách thức các văn bản chính trị thể hiện nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục giữa Phi-líp-pin và Nhật Bản dưới góc nhìn liên ngành, kết hợp ngôn ngữ học và quan hệ quốc tế.

2.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Quan hệ đối tác chiến lược Phi-líp-pin - Nhật Bản được xác lập vào năm 2011, được tăng cường năm 2015 và được tái khởi động sau đại dịch COVID-19 năm 2023. Ứng với các mốc này là những tuyên bố chung mang tính chiến lược và định hướng quan hệ song phương với nội dung dành cho hợp tác văn hóa - giáo dục rõ rệt hơn trong các tuyên bố song phương khác do lãnh đạo hai nước ban hành trong giai đoạn 2015-2025. Ví dụ, các tuyên bố chung năm

2016 và 2017, cùng với Tuyên bố cấp Bộ trưởng "2+2" năm 2022, thiên về phát triển cơ sở hạ tầng, an ninh hàng hải và hợp tác quốc phòng. Về phạm vi văn bản, để đảm bảo sự tương đồng trong cấu trúc các văn bản này, chúng tôi không phân tích chương trình hành động của Tuyên bố chung năm 2015.

Nghiên cứu sử dụng Phân tích diễn ngôn phê phán (Critical Discourse Analysis – CDA) (Fairclough, 2010, 2013) và Phân tích diễn ngôn - lịch sử (Discourse-Historical Approach - DHA) (Reisigl & Wodak, 2015) nhằm xác định các công cụ diễn ngôn như: từ vựng, cấu trúc ngữ pháp mà qua đó thể hiện mô thức diễn ngôn - "chức năng tư tưởng của các lựa chọn ngôn từ" (Fairclough, 2013). Các phương pháp này được vận dụng chủ yếu trên khối lượng ngữ liệu tiếng Anh và các tuyên bố chung này có thể được truy cập từ trang mạng của Bộ Ngoại giao Nhật Bản bằng tiếng Anh. Do đó, chúng tôi sử dụng khối liệu tiếng Anh, xác định nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục trong các tuyên bố chung (2011, 2015, 2023) và xác định: (1) phép lặp từ vựng (số từ/cụm từ lặp lại trong 3 văn bản); (2) phép liên tưởng - việc trích dẫn công khai hoặc ngầm ẩn các thỏa thuận/hiệp định hợp tác có sự tham gia của hai nước; (3) phép lặp cấu trúc ngữ pháp/thủ pháp tu từ tạo nên sự lặp lại các mô hình diễn ngôn các văn bản tiếng Anh được sử dụng là khối liệu nghiên cứu; (4) "khung tư tưởng chung" (việc lặp lại các giá trị/ý nghĩa nhằm tự nhiên hóa các mối quan hệ quyền lực hoặc vai trò xã hội) (Fairclough, 2010).

3. Kết quả

Các đặc điểm về hình thức văn bản được trình bày trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1

Thông tin khối liệu các Tuyên bố chung 2011, 2015, 2023

Đặc điểm/Ngày ban hành		**27/9/2011**	**04/6/2015**	**09/02/2023**
Số từ		3370	2036	3194
Số đoạn/ mục		~ 12	17	38
Nội dung văn hóa, giáo dục	Số đoạn (số tt đoạn)	2 (iii. People-to- people exchange)	1 (#17)	3 (#27-29)
	Tỉ lệ %/tổng số đoạn	~16,7 %	~5,9%	~7,9%
	Số từ	247	87	242
	Tỉ lệ % số từ/bài	~ 7,3%	~4,27%	~7,7%

Qua Bảng 1, ta thấy có sự thay đổi về mức độ ưu tiên dành cho hợp tác văn hóa - giáo dục trong ba tuyên bố chung Phi-líp-pin - Nhật Bản (2011, 2015, 2023). Tuyên bố năm 2011 có khoảng 3.370 từ với 12 đoạn/mục, văn bản năm 2015 giảm xuống còn 2.036 từ với 17 đoạn, trong khi văn kiện năm 2023 tăng lên đáng kể với 3.194 từ và 38 đoạn/mục. Nội dung liên quan đến văn hóa và giáo dục chiếm tỷ trọng cao nhất trong tuyên bố năm 2011 với 2 đoạn (khoảng 16,7% tổng số đoạn) và 247 từ (khoảng 7,3% tổng số từ). Đến năm 2015, tỷ trọng này giảm mạnh xuống còn 1 đoạn (#17), tương đương khoảng 5,9% số đoạn và 4,27% số từ. Điều này góp phần khẳng định các vấn đề chiến lược và an ninh đặc biệt được quan tâm khi hai nước tăng cường quan hệ đối tác chiến lược năm 2015. Tuy nhiên, tuyên bố năm 2023 mở rộng trở lại nội dung văn hóa - giáo dục với 3 đoạn (#27-29), chiếm khoảng 7,9% tổng số đoạn và 7,7% tổng số từ. Điều này phản ánh xu hướng quay trở lại đề cao giao lưu nhân dân, hợp tác văn hóa - giáo dục trong quan hệ đối tác chiến lược Phi-líp-pin - Nhật Bản sau đại dịch COVID-19.

3.1. Phép lặp từ vựng

Các thuật ngữ chủ yếu lặp lại trong ba tuyên bố chung được phân tích trong nghiên cứu này là 8 cụm từ/từ như trong Bảng 2.

Bảng 2

Các từ, cụm từ lặp lại trong 3 tuyên bố chung giữa Phi-líp-pin - Nhật Bản

	27/9/2011	**04/6/2015**	**09/02/2023**
Các từ khóa về hợp tác văn hóa - giáo dục trong từng tuyên bố chung	"Kizuna" (mối liên kết), thế hệ tiếp theo, các nhà lãnh đạo tương lai, Đại sứ thiện chí, tình hữu nghị lâu dài SSEAYP	quan hệ đối tác được tăng cường, Năm du lịch Phi-líp-pin, kỷ niệm 60 năm	hồi sinh/tái sinh, kỹ năng, chuyên môn, học bổng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, bền vững, Chương trình JET, JDS, Triển lãm Expo 2025
Tần suất xuất hiện tính từ/động từ có sắc thái biểu cảm (thang đánh giá: thấp (trung tính) ← —> cao: từ mang đậm sắc thái biểu cảm)	Thấp - chủ yếu là động từ trung tính (thúc đẩy, hỗ trợ, nâng cao: "promote, support, enhance")	Thấp - trung bình - sắc thái biểu cảm rõ nét hơn (khẳng định lại, mong chờ, tiếp tục phát triển: "reaffirm, look forward to, further advance")	Cao - động từ đánh giá và phục hồi (hồi sinh, khẳng định, hoan nghênh, bày tỏ hy vọng: "revitalize, affirmed, welcomed, expressed hope")
8 (cụm) từ xuất hiện trong 3 tuyên bố	"people-to-people exchanges, youth, students, mutual understanding/shared values, strategic partnership, JENESYS, (two-way) tourism, (bonds of) friendship" (giao lưu nhân dân, thanh niên, sinh viên, hiểu biết lẫn nhau/giá trị chung, quan hệ đối tác chiến lược, JENESYS, du lịch (hai chiều), tình bạn/mối quan hệ bạn bè)		

Qua Bảng 2, ta thấy rằng, ứng với mỗi dấu mốc lịch sử trong quan hệ song phương, mỗi tuyên bố chung đều xoay quanh những ưu tiên riêng. Tuyên bố chung năm 2011 xây dựng tầm nhìn dài hạn cho quan hệ song phương, với những từ/cụm từ mang tính biểu tượng và nền tảng như: "*Kizuna", thế hệ tiếp theo, đại sứ thiện chí, tình hữu nghị lâu dài*. Tuyên bố chung năm 2015 thể hiện sự củng cố quan hệ song phương qua các cụm từ như: *quan hệ đối tác được tăng cường, Năm du lịch Phi-líp-pin (Visit Philippines Year),* hay *kỷ niệm 60 năm*. Trong khi đó, Tuyên bố chung năm 2023 đề cao việc xây dựng năng lực, phục hồi sau khủng hoảng và thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững thông qua các cụm từ: *kỹ năng, chuyên môn, học bổng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, bền vững.*

Sắc thái biểu cảm trong ngôn ngữ cũng thể hiện xu hướng tăng dần theo thời gian. Tuyên bố chung năm 2011 chủ yếu sử dụng các động từ trung tính (*thúc đẩy, hỗ trợ, nâng cao*). Tuyên bố chung năm 2015 hàm chứa các động từ lộ rõ sắc thái biểu cảm hơn như: *khẳng định lại, mong chờ, tiếp tục phát triển*. Tính chất đánh giá và sắc thái biểu cảm của động từ thể hiện rõ nhất trong Tuyên bố chung năm 2023: *hồi sinh, khẳng định, hoan nghênh, bày tỏ hy vọng*.

Bảng 3

Tần suất lặp từ/cụm từ trong mỗi tuyên bố chung

	2011		**2015**		**2023**	
Từ/cụm từ	**Tần suất**	**Tỉ lệ**	**Tần suất**	**Tỉ lệ**	**Tần suất**	**Tỉ lệ**
Giao lưu nhân dân "*people-to-people exchanges"*	2	8,0%	2	9,1%	3	12,5%
Thanh niên "*youth"* (*"young people,*	4	16,0%	3	13.6%	4	16,7%

youth exchange, Filipino youths, exchanges among the youth")						
Sinh viên (*"Filipino students, students, trainees"*)	2	8,0%	1	4,5%	3	12,5%
Hiểu biết lẫn nhau / Giá trị chung (*"shared basic values, shared principles, shared fundamental values"*)	4	16,0%	3	13,6%	3	12,5%
Quan hệ đối tác chiến lược "strategic partnership"	6	24,0%	6	27,3%	4	16,7%
JENESYS	1	4,0%	1	4,5%	2	8,3%
Du lịch / du lịch hai chiều ("*tourism / two-way tourism*")	2	8,0%	2	9,1%	2	8,3%
Tình bạn / mối quan hệ bạn bè ("*friendship/bonds of friendship*": 2011 "*Kizuna/ bonds of friendship"*; 2015: *"long-standing friendship"*; 2023: *"cherished friendship"*	4	16,0%	4	18,2%	3	12,5%
Tổng lần xuất hiện (8 cụm từ)	**25**	**100%**	**22**	**100%**	**24**	**100%**

Bảng 3 cho thấy mức độ lặp lại tương đối đồng đều của 8 từ/cụm từ về hợp tác văn hóa - giáo dục trong ba tuyên bố chung (25 lần năm 2011, 22 lần năm 2015 và 24 lần năm 2023). Cụm từ *đối tác chiến lược* có tần suất xuất hiện cao nhất, đặc biệt trong giai đoạn 2011 và 2015 (lần lượt là 24,0% và 27,3%), thể hiện vai trò trung tâm của khuôn khổ quan hệ song phương này. Việc tần suất xuất hiện của cụm từ này giảm xuống còn 16,7% vào năm 2023 trong nội dung về hợp tác văn hóa - giáo dục có thể cho thấy khuôn khổ quan hệ song phương này đã trở thành một yếu tố mặc định.

Tính ổn định và bền vững của quan hệ song phương được thể hiện qua sự duy trì tần suất xuất hiện đồng đều của những cụm từ như *hiểu biết lẫn nhau, giá trị chung* và *tình bạn*. Trong khi đó, xu hướng cụ thể hóa hoạt động hợp tác văn hóa - giáo dục được thể hiện qua sự duy trì/gia tăng tần suất xuất hiện các cụm từ trực tiếp mô tả hoạt động *giao lưu nhân dân* với người thực hiện chủ yếu là *thanh niên, sinh viên* và *"người được đào tạo"* (Tuyên bố chung năm 2023). Điều này cũng được củng cố bởi từ JENESYS (*Chương trình giao lưu thanh niên và sinh viên*) xuất hiện trong Tuyên bố chung năm 2011 và trở lại với tần suất cao hơn trong Tuyên bố chung năm 2023.

3.2. Đặc điểm ngữ pháp

Việc xác định các dạng thức ngữ pháp được sử dụng chủ đạo và các biện pháp tu từ thường xuyên được sử dụng trong các văn bản giúp xác định những mô thức diễn ngôn như trong Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4

Đặc điểm ngữ pháp nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục trong các tuyên bố chung Phi-líp-pin - Nhật Bản (2011, 2015, 2023)

Đặc điểm	2011	2015	2023
Số câu	7	3	7
Số mệnh đề	21 (9 mệnh đề chính; 4 mệnh đề danh ngữ; 4 mệnh đề quan hệ; 3 mệnh	7 (3 mệnh đề chính; 7 định ngữ; 3 cụm phân từ rút gọn)	22 (8 mệnh đề chính; 5 mệnh đề danh ngữ; 5 mệnh đề với động từ nguyên

	đề chỉ mục đích; 1 mệnh đề danh động từ)		thể/chỉ mục đích; 2 mệnh đề quan hệ (rút gọn); 2 mệnh đề trạng ngữ/chỉ kết quả)
Cấu trúc ngữ pháp nổi bật	Câu chủ động (Nhật Bản sẽ mời/chia sẻ/tiếp tục: "Japan will invite/share/continue")	4 mệnh đề quan hệ (2 rút gọn); mệnh đề danh ngữ; chủ ngữ tập thể (cả hai quốc gia sẽ… "both countries will")	Câu bị động; chủ ngữ "the leaders": 4/7, President Marcos: 1/7 "Prime Minister Kishida": 2/7
Mật độ danh từ hóa	15/247 (6,07% nội dung văn bản về văn hóa - giáo dục)	13/94 (13,83% nội dung văn bản về văn hóa - giáo dục)	27/242 (11,16% nội dung văn bản về văn hóa - giáo dục)
Các thủ pháp tu từ chủ đạo	Bày tỏ sự biết ơn; đề cao giá trị lịch sử/tinh thần "Kizuna"; tiền giả định mục tiêu chung; hình tượng hóa tuổi trẻ với tương lai	Tự nhiên hóa lịch sử; sự đối xứng chủ thể tập thể; sử dụng mệnh đề tiên đề tạo tiền giả định ("Recalling…"); ẩn đi chủ thể hành động trong mệnh đề rút gọn	Sự xây dựng chủ thể ưu tú; khung cảnh phục hồi (hồi sinh "revive"); giả định về chuẩn mực trước đại dịch; tác nhân thể chế (chương trình như là chủ thể)

Qua Bảng 4, ta thấy có sự chuyển dịch rõ rệt trong cấu trúc ngữ pháp của diễn ngôn hợp tác văn hóa - giáo dục giữa Phi-líp-pin và Nhật Bản trong các tuyên bố chung năm 2011, 2015, 2023. Trong tuyên bố xác lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục được thể hiện qua dạng thức câu chủ động, cách diễn đạt tương lai và số lượng câu/mệnh đề biểu đạt tinh thần. Trong khi Nhật Bản và các tác nhân người Nhật (Thủ tướng Noda, Nhật Bản, Chính phủ Nhật Bản) đóng vai trò chủ ngữ ngữ pháp trong 7 mệnh đề chỉ quá trình vật chất (*cảm ơn, trả lời, sẽ mời, thúc đẩy, tiếp tục, tăng cường, quyết định*), Phi-líp-pin (*Tổng thống Aquino, công dân Phi-líp-pin*) chủ yếu được thể hiện với vai trò: (1) chủ ngữ trong các mệnh đề chỉ hoạt động tinh thần (*bày tỏ sự đánh giá cao, bày tỏ hy vọng*), hoặc (2) tân ngữ trong câu và là một trong các quốc gia trong khu vực/trên thế giới được tham gia các chương trình do Nhật Bản khởi xướng.

Trong khi đó, các cấu trúc ngữ pháp thể hiện nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục trong Tuyên bố chung năm 2015 chủ yếu mô tả quan hệ, giá trị và sự tiếp nối lịch sử, qua đó khéo léo làm mờ vai trò kiểm soát và dẫn dắt quan hệ hợp tác. Việc sử dụng dày đặc các mệnh đề quan hệ (đặc biệt là mệnh đề quan hệ rút gọn) và định ngữ cho thấy xu hướng chuyển dịch từ hành động cụ thể (thể hiện qua cấu trúc câu chủ động được sử dụng trong Tuyên bố chung năm 2011) sang việc nhấn mạnh trạng thái, nguồn gốc và tính chính danh của quan hệ song phương. Đồng thời, ranh giới giữa chủ thể và kết quả hành động dường như trở nên mờ nhạt hơn, thể hiện qua tần suất xuất hiện cao hơn của các cấu trúc mô tả (*bắt nguồn từ, dựa trên, được củng cố bởi*) so với năm 2011.

Trong Tuyên bố chung năm 2023, nội dung về văn hóa - giáo dục được thể hiện qua 7 câu tường thuật hành động của lãnh đạo hai nước, trong đó đa số thể hiện tinh thần tích cực (*các nhà lãnh đạo khẳng định, chào đón và bày tỏ*). Đặc biệt, Phi-líp-pin được gắn với các động từ mô tả quá trình ngôn ngữ/tâm lý hoặc vai trò của người thụ hưởng (*sinh viên tiếp thu kỹ năng, người lao động tìm kiếm cơ hội*) trong các câu có mật độ danh từ hóa cao và nhiều cấu trúc danh ngữ, mệnh đề nguyên thể (quyết định, được hoan nghênh). Trái lại, Nhật Bản nổi bật với vai trò khởi xướng các sáng kiến vật chất. Ngoài ra, tỷ lệ cao (45,4%) của các mệnh đề danh từ và mệnh đề nguyên thể, cùng với sự xuất hiện của các chương trình với tư cách là tác nhân (18,2%), góp phần làm mờ vai trò chủ thể hành động, nhưng vẫn hàm chứa dấu ấn của chính quyền Nhật Bản trong việc khởi xướng các sáng kiến.

3.3. Tính liên văn bản

Mặc dù tỷ trọng nội dung về hợp tác văn hóa - giáo dục còn khiêm tốn trong các tuyên bố chung, các sáng kiến, chương trình và khuôn khổ hợp tác song phương, đa phương vẫn được đề cập với tần suất cao trong các tuyên bố chung giữa Phi-líp-pin và Nhật Bản năm 2011, 2015 và 2023.

Bảng 5

Các văn bản tham chiếu trong nội dung văn hóa - giáo dục của ba tuyên bố chung 2011, 2015, 2023

Năm	Văn bản/chương trình tham chiếu	Loại liên văn bản	Ý nghĩa
2011	1. JPEPA (Hiệp định Đối tác Kinh tế Nhật Bản - Phi-líp-pin); 2. JENESYS (Chương trình giao lưu thanh niên và sinh viên); 3. SSEAYP (Chương trình giao lưu thanh niên giữa Japan và các nước ASEAN; 4. Philippines - Tohoku Goodwill Ambassadors	Chương trình thanh niên, hiệp định kinh tế, sáng kiến hậu thảm họa	- Tự nhiên hóa giao lưu thanh niên và đào tạo như cơ chế hợp tác đã được thể chế hóa; - Lồng ghép di cư lao động và phục hồi sau thảm họa động đất vào diễn ngôn hữu nghị và quyền lực mềm của Nhật Bản
2015	1. JPEPA (Hiệp định Đối tác Kinh tế Nhật Bản - Phi-líp-pin); 2. JENESYS 2015; 3. Kế hoạch hành động (đính kèm) 4. Visit Philippines Year (Chương trình Năm du lịch Phi-líp-pin)	Chương trình nối tiếp và chiến dịch du lịch	- Thể chế hóa tính liên tục của hợp tác văn hóa - giáo dục; - Tái khẳng định quan hệ đối tác chiến lược thông qua các sáng kiến đã quen thuộc và các ký ức chung
2023	1. JET (Chương trình trao đổi học giả và giảng dạy); 2. JENESYS; 3. Chương trình học bổng JDS; 4. Lực lượng bảo vệ bờ biển MOC (tháng 1 năm 2017); 5. Các thỏa thuận thành phố kết nghĩa; 6. Triển lãm Expo 2025; 7. Giải bóng rổ thế giới 2023 FIBA	Chương trình ODA, cơ chế địa phương hóa, sự kiện đa phương và thể thao quốc tế	- Mở rộng phạm vi: hợp tác song phương, đa phương, toàn cầu; - Tái định vị hợp tác văn hóa - giáo dục như công cụ phục hồi, phát triển nguồn nhân lực và ngoại giao công chúng hậu đại dịch

Bảng 5 cho thấy sự phong phú của các văn bản được tham chiếu trong nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục giữa Phi-líp-pin và Nhật Bản trong các tuyên bố chung năm 2011, 2015 và 2023. Việc dẫn chiếu đến các chương trình, hiệp định và sự kiện đã có (JENESYS, SSEAYP, JPEPA, JET, JDS) làm nổi bật tính liên tục, ổn định và thể chế hóa của quan hệ song phương.

Số lượng văn bản được tham chiếu nhiều nhất là vào năm 2011, chủ yếu gắn với ngoại giao thanh niên, phục hồi sau động đất và đào tạo lao động. Điều này góp phần làm cho vai trò dẫn dắt của Nhật Bản trong quan hệ song phương trở nên tự nhiên và dễ được chấp nhận hơn. Sang năm 2015, các chương trình và chiến dịch như JENESYS 2015 hay sáng kiến ngoại giao công chúng Năm Du lịch Phi-líp-pin (Visit Phi-líp-pin Year) tiếp tục củng cố tính chính danh lịch sử và tính liên tục của quan hệ đối tác chiến lược. Đến năm 2023, mạng lưới liên văn bản được mở rộng đáng kể, bao gồm các cơ chế ODA, hợp tác địa phương và các sự kiện đa phương như Triển lãm Expo 2025 và Giải bóng rổ thế giới FIBA 2023. Xu hướng này dường như phản ánh sự chuyển dịch từ giao lưu mang tính biểu tượng sang hợp tác phát triển nguồn nhân lực,

phục hồi sau đại dịch và ngoại giao công chúng toàn cầu.

Các văn bản tham chiếu trên cho thấy quá trình thể chế hóa hợp tác văn hóa - giáo dục, đồng thời góp phần phi chính trị hóa những bất đối xứng về tri thức, lao động và quyền lực thông qua việc lồng ghép các cơ chế hợp tác sẵn có. Cách tiếp cận này thể hiện tính bền vững của quan hệ song phương và hướng đến bảo đảm lợi ích cho cả hai quốc gia. Phương thức này cũng được thể hiện qua các văn bản được dẫn chiếu gián tiếp trong nội dung về hợp tác văn hóa - giáo dục của các tuyên bố trên.

Bảng 6

Tính liên văn bản hàm ẩn trong nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục giữa Phi-líp-pin và Nhật Bản (2011, 2015, 2023)

Năm	Nội dung tham chiếu ngầm ẩn	Nội dung giả định chính	Ý nghĩa
2011	Dẫn chiếu ngầm đến các hoạt động giao lưu, di cư lao động và chương trình thanh niên đã có	Giao lưu nhân dân và trao đổi thanh niên là nền tảng sẵn có của quan hệ song phương; Nhật Bản là điểm đến an toàn và hấp dẫn ngay cả sau động đất	- Tự nhiên hóa giao lưu văn hóa - giáo dục như một quá trình liên tục; - Phi chính trị hóa di cư lao động và củng cố vai trò quyền lực mềm của Nhật Bản thông qua các chương trình như JENESYS và SSEAYP
2015	Liên kết trực tiếp với lịch sử ngoại giao và các sáng kiến đã được thể chế hóa	Quan hệ đối tác chiến lược có nền tảng lịch sử lâu dài và tính liên tục ổn định	- Thể chế hóa hợp tác hiện tại bằng các mốc lịch sử và chương trình quen thuộc; - Thể hiện quan hệ song phương như một tiến trình tự nhiên, tất yếu
2023	Tái ngữ cảnh hóa các diễn ngôn trước đó trong bối cảnh hậu đại dịch và phát triển nguồn nhân lực	- Trao đổi nhân dân cần được phục hồi; - Nhật Bản tiếp tục là trung tâm tri thức và cơ hội nghề nghiệp cho người Phi-líp-pin	- Chuyển từ giao lưu mang tính biểu tượng sang phục hồi và phát triển năng lực; - Tự nhiên hóa sự bất đối xứng lao động - tri thức dưới dạng hợp tác cùng có lợi và phát triển bền vững

Bảng 6 thể hiện tính liên văn bản hàm ẩn xuyên suốt nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục giữa Phi-líp-pin và Nhật Bản trong các tuyên bố chung năm 2011, 2015 và 2023. Các cụm từ "*to continue, to further expand, is rooted in, to fully revitalize"* hàm ý rằng các hoạt động, giá trị và khuôn khổ hợp tác đã được thiết lập từ trước. Qua đó, hợp tác văn hóa - giáo dục không được thể hiện như một sáng kiến mới, mà như một tiến trình tự nhiên, liên tục và có tính kế thừa lịch sử.

Trong Tuyên bố chung năm 2011, nội dung về văn hóa - giáo dục được ngầm gắn với bối cảnh hậu động đất và các chương trình giao lưu thanh niên, qua đó góp phần tự nhiên hóa vai trò của Nhật Bản như một trung tâm tiếp nhận giao lưu, tri thức và xây dựng hình ảnh quốc gia. Trong nội dung về văn hóa - giáo dục của Tuyên bố chung năm 2015, việc tham chiếu đến quan hệ đối tác chiến lược, kỷ niệm 60 năm và JENESYS tiếp tục củng cố tính chính danh của hợp tác hiện tại dựa trên nền tảng lịch sử và tính liên tục của quan hệ ngoại giao. Đến năm 2023, nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục gắn với mục tiêu phục hồi sau đại dịch, thể hiện qua các

cụm từ "fully revitalize, continue to seek opportunities". Điều này tiếp tục khẳng định vai trò của Nhật Bản như một trung tâm tri thức, hỗ trợ Phi-líp-pin phát triển nguồn nhân lực. Việc nhấn mạnh các chuẩn mực hợp tác mang tính tự nhiên và cùng có lợi là một phương thức phi chính trị hóa những bất đối xứng về lao động, tri thức và quyền lực.

3.4. Khung tư tưởng chung

Bảng 7

Khung tư tưởng trong các nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục của các tuyên bố chung Phi-líp-pin - Nhật Bản năm 2011, 2015, 2023

Đặc điểm	2011	2015	2023
Hợp tác: trung lập, tự nguyện, phi chính trị	*- nhằm củng cố Kizuna - mối quan hệ hữu nghị* *- ...giao lưu... là điều thiết yếu để đảm bảo quan hệ song phương ổn định* *- ... đại sứ thiện chí ...*	*- quan hệ đối tác chiến lược bắt nguồn từ mối liên kết bền chặt giữa nhân dân hai nước* *- ... giao lưu nhân dân tích cực* *- ...cả hai nước sẽ tiếp tục thúc đẩy du lịch hai chiều ...*	*- ...hợp tác để vượt qua khủng hoảng COVID-19* *- giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc sẽ được tăng cường* *- tạo điều kiện thuận lợi ... tiếp đón sinh viên, học viên và người lao động Phi-líp-pin* *- ...giao lưu giữa các vận động viên ...*
Nhật Bản được kiến tạo như một chủ thể có thẩm quyền đạo đức và vai trò cung cấp các cơ chế thể chế	- Nhật Bản đóng vai trò chủ thể: *Nhật Bản sẽ mời 400 sinh viên đại học Phi-líp-pin đến Nhật Bản; Nhật Bản sẽ tiếp tục các chương trình trao đổi thanh niên; những nỗ lực của Chính phủ Nhật Bản ...; Thủ tướng Noda đáp lại bằng thiện chí tiếp tục ...* - Phi-líp-pin trong vai đối tượng thụ hưởng: *Tổng thống Aquino bày tỏ sự đánh giá cao đối với vai trò mà JENESYS... đóng góp*	- Chương trình của Nhật Bản, được dẫn chiếu như cơ chế trung tâm của trao đổi thanh niên: *JENESYS2015* - Cấu trúc ngữ pháp đối xứng ẩn đi việc Nhật Bản là quốc gia kiểm soát việc nhập cảnh: *cả hai quốc gia sẽ tiếp tục thúc đẩy du lịch hai chiều*	- Nhật Bản là chủ thể cho quyền tiếp cận: *Thủ tướng Kishida bày tỏ ý định của Nhật Bản tiếp tục tiếp nhận công chức Phi-líp-pin...; Thủ tướng Kishida hoan nghênh quyết định của Chính phủ Phi-líp-pin tham gia Expo 2025; miễn thị thực chủ yếu cho các quan chức chính phủ Phi-líp-pin* - Nhật Bản như địa điểm định hướng của tri thức: *để tiếp thu kiến thức và kỹ năng chuyên môn tại Nhật Bản; sự tham gia của hàng trăm thanh niên Phi-líp-pin trong Chương trình JET và JENESYS*
Thanh niên được kiến tạo như nguồn vốn biểu tượng góp phần duy trì sự ổn định của quan hệ song phương	*- thanh niên sẽ trở thành những nhà lãnh đạo của thế hệ tiếp theo;* *- thiết yếu để bảo đảm quan hệ song phương ổn định giữa hai quốc gia;* *- 400 sinh viên đại học Phi-líp-pin... với vai trò Đại sứ Thiện chí Phi-líp-pin - Tohoku*	*- giao lưu giữa thanh niên sẽ tiếp tục thúc đẩy quan hệ song phương trong sáu thập niên tiếp theo*	*- sự tham gia của hàng trăm thanh niên Phi-líp-pin trong Chương trình JET và JENESYS;* *- giao lưu giữa các vận động viên Nhật Bản và Phi-líp-pin*

Phục hồi hậu khủng hoảng trở thành cơ sở chiến lược của hợp tác văn hóa - giáo dục	Tuyên bố chung năm 2023: - Giả định về chuẩn mực của quan hệ song phương tồn tại trước COVID-19: *khôi phục hoàn toàn các chuyến thăm và giao lưu nhân dân* - Hợp tác như một giải pháp ứng phó với khó khăn chung: *vượt qua cuộc khủng hoảng COVID-19* - Coi giao lưu văn hóa như một cơ chế phục hồi kinh tế: *đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của cả nền kinh tế Nhật Bản và Phi-líp-pin*

Bảng 7 thể hiện sự thay đổi về hệ tư tưởng trong nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục giữa Phi-líp-pin và Nhật Bản qua các tuyên bố chung năm 2011, 2015 và 2023. Năm 2011, hợp tác chủ yếu được thể hiện như một hành động thiện chí, tinh thần đoàn kết. Trong đó, bối cảnh sau thảm họa động đất tại Nhật Bản được đề cập nhằm củng cố hình ảnh Nhật Bản là điểm đến an toàn, vẫn sẵn lòng và tiếp tục hỗ trợ Phi-líp-pin tham gia các chương trình do Nhật Bản khởi xướng. Đồng thời, triển vọng hợp tác văn hóa - giáo dục cũng được mở ra thông qua việc đề cập đến thanh niên với tư cách là *những nhà lãnh đạo tương lai* - lực lượng góp phần duy trì sự ổn định của quan hệ song phương.

Trong các tuyên bố chung năm 2015 và đặc biệt là năm 2023, nội dung về văn hóa - giáo dục được thể hiện theo hướng tự nhiên hóa và thể chế hóa hợp tác. Các cấu trúc như "both countries" (*hai bên cùng*) tạo cảm giác bình đẳng giữa hai bên, trong khi vai trò và ảnh hưởng của Nhật Bản được thể hiện gián tiếp thông qua các chương trình và cơ chế thể chế như: JET Programme, JENESYS và JDS. Đến năm 2023, hợp tác văn hóa - giáo dục được tái định vị như một công cụ phục hồi sau đại dịch, phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Qua đó, quyền lực không còn được thể hiện trực tiếp mà được lồng ghép vào các cấu trúc thể chế và diễn ngôn đồng thuận, phản ánh quá trình mở rộng ảnh hưởng thông qua hợp tác văn hóa - giáo dục.

4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy diễn ngôn hợp tác văn hóa - giáo dục giữa Phi-líp-pin và Nhật Bản vận động qua 3 giai đoạn: thiết lập (2011), chuẩn mực hóa (2015) và chiến lược hóa (2023). Trong Tuyên bố chung năm 2011, quá trình thiết lập cơ chế hợp tác song phương được thể hiện rõ qua tính biểu trưng của từ vựng được sử dụng (*Kizuna, thế hệ kế tiếp, đại sứ thiện chí*). Đồng thời, vai trò dẫn dắt của Nhật Bản nổi bật qua các cấu trúc "*Japan will invite/share/continue*" và qua việc dẫn chiếu các sáng kiến của Nhật Bản như JENESYS hay SSEAYP. Trong Tuyên bố chung năm 2015, tính bình đẳng trong quan hệ song phương được nhấn mạnh thông qua các chủ ngữ tập thể chỉ cả hai quốc gia. Kết hợp với mật độ danh từ hóa cao và cách diễn đạt súc tích hơn so với hai văn bản còn lại, cách thể hiện này dường như góp phần làm mờ đi sự bất đối xứng về vị thế giữa Nhật Bản và Phi-líp-pin trong quan hệ song phương.

Tuy nhiên, sau đại dịch COVID-19, tính thể chế và định hướng chiến lược của hoạt động hợp tác văn hóa - giáo dục trở nên nổi bật hơn trong Tuyên bố chung năm 2023. Các động từ biểu thị thái độ và kỳ vọng như "*affirmed, welcomed, expressed hope, revitalized*" cho thấy giao lưu nhân dân được nhìn nhận như một khuôn khổ hợp tác đã có, cần được khôi phục và tiếp tục phát triển. Phạm vi hợp tác cũng được mở rộng thông qua việc dẫn chiếu đến các cơ chế và chương trình quốc tế, như: Chương trình Học bổng Phát triển nguồn nhân lực của Nhật Bản (JDS) và Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản. Việc không trực tiếp nhấn mạnh sự vượt trội của Nhật Bản, trong khi mở rộng dẫn chiếu đến các chương trình và cơ chế quốc tế do nước này hỗ trợ, có thể góp phần làm nổi bật hơn sự bất đối xứng về vị thế và ảnh hưởng trong quan hệ song phương.

Quá trình chuyển dịch từ vai trò chủ thể nổi bật của Nhật Bản sang cách diễn đạt mang

tính "bình đẳng hóa" quan hệ song phương (2015), rồi đến thể chế hóa hoạt động hợp tác văn hóa - giáo dục (2023), tương ứng với quá trình mở rộng quyền lực thông qua diễn ngôn biểu đạt trật tự kinh tế - chính trị (Fairclough, 2012, tr. 463). Xu hướng này có thể được nhận diện qua sự thiếu vắng vai trò chủ động của Phi-líp-pin trong nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục song phương, đặc biệt trong các văn bản được dẫn chiếu tường minh hoặc hàm ẩn.

Tính liên văn bản trong nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục cho thấy tính kế thừa lịch sử, sự tiếp nối và phát triển của các chương trình, khuôn khổ hợp tác trước đó, đồng thời đặt hợp tác song phương trong bối cảnh quan hệ đa phương. Sự xuất hiện của các chương trình như JENESYS trong cả ba tuyên bố chung, tương ứng với ba giai đoạn khác nhau, cùng các động từ biểu thị sự tiếp nối và phát huy (ví dụ, "*to continue, to further expand, to fully revitalize*") cho thấy tính liên tục và xu hướng phát triển của hoạt động hợp tác giữa hai quốc gia. Bên cạnh đó, việc phân tích diễn ngôn các văn bản chính trị - ngoại giao này góp phần làm sáng tỏ những bất đối xứng trong quan hệ song phương.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các thủ pháp danh từ hóa, sử dụng cấu trúc phi tác nhân và tái ngữ cảnh hóa liên văn bản góp phần định hình cách thức quyền lực mềm được thể hiện trong diễn ngôn chính trị - ngoại giao. Về phương pháp nghiên cứu, việc kết hợp Phân tích diễn ngôn phê phán và Phân tích diễn ngôn lịch sử giúp làm rõ cách ngôn ngữ được sử dụng như một phương tiện thể hiện quan điểm chính trị và vị thế quốc gia trong quan hệ quốc tế.

5. Kết luận

Phân tích nội dung hợp tác văn hóa - giáo dục trong các tuyên bố chung giữa chính phủ Phi-líp-pin và Nhật Bản theo phương pháp Phân tích diễn ngôn phê phán và Phân tích diễn ngôn - lịch sử cho thấy tiến trình thiết lập → tự nhiên hóa → chiến lược hóa hợp tác song phương được thể hiện rõ qua các tuyên bố chung năm 2011, 2015 và 2023. Theo đó, sự bất đối xứng quyền lực dần được ẩn hóa qua ba giai đoạn: từ cấu trúc chủ ngữ - tân ngữ thể hiện rõ Nhật Bản là chủ thể khởi xướng các chương trình hợp tác song phương và các cơ chế hợp tác đa phương (2011), đến việc sử dụng chủ ngữ tập thể nhằm tạo cảm giác bình đẳng, trong khi gia tăng dẫn chiếu đến các chương trình do Nhật Bản khởi xướng (2015), và cuối cùng là các cấu trúc mô tả chương trình như tác nhân thay vì chủ thể là con người (2023).

Bên cạnh đó, tính liên văn bản được duy trì ổn định thông qua việc liên tục dẫn chiếu đến các chương trình như JENESYS, cũng như các dẫn chiếu hàm ẩn đến các chương trình hợp tác song phương và đa phương có sự tham gia của Phi-líp-pin. Sự xuất hiện của các động từ mang hàm ý tiếp nối và phát triển ("*continue, further expand, revitalize*") góp phần tự nhiên hóa hợp tác, nhấn mạnh tính liên tục và kế thừa lịch sử, qua đó thúc đẩy quá trình thể chế hóa hợp tác văn hóa - giáo dục giữa hai quốc gia.

Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ lý thuyết quyền lực mềm của Nye (1990, 2004) trong phạm vi diễn ngôn chính trị, cho thấy quyền lực mềm không chỉ vận hành ở cấp độ nội dung chương trình hay chính sách đối ngoại mà còn được thể hiện và tái tạo thông qua việc lựa chọn hình thức ngôn ngữ. Đồng thời, nghiên cứu cho thấy tiềm năng ứng dụng phương pháp Phân tích diễn ngôn phê phán và Phân tích diễn ngôn - lịch sử trong nghiên cứu các khối liệu ngoại giao thuộc những cặp quan hệ bất đối xứng về quyền lực trong quan hệ quốc tế. Về hàm ý thực tiễn, việc nhận diện cấu trúc diễn ngôn trong các văn bản ngoại giao giúp làm rõ các điều khoản và cơ chế trao đổi hai chiều thực chất, cũng như mức độ thừa nhận cụ thể đối với các điều khoản tạo hành lang pháp lý cho việc dịch chuyển lao động và trao đổi giáo dục.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục trong các nghiên cứu tiếp theo. Khối liệu phân tích chỉ giới hạn ở 3 tuyên bố chung của lãnh đạo hai nước, chưa

bao gồm các kế hoạch hành động đính kèm, các biên bản ghi nhớ song phương hay các tài liệu thực thi chương trình. Ngoài ra, việc phân tích các văn bản triển khai ở cấp bộ và địa phương, kết hợp với dữ liệu do những người tham gia chương trình cung cấp, sẽ giúp hình thành một bức tranh đầy đủ và đa chiều hơn về thực tiễn hợp tác văn hóa - giáo dục song phương.

Tài liệu tham khảo

Envall, H. D. P. (2020). The Pacific Islands in Japan's 'Free and Open Indo-Pacific': From 'slow and steady' to strategic engagement? *Security Challenges, 16*(1), 65-77. https://www.jstor.org/stable/26908768

Fairclough, N. (1992). *Discourse and social change*. Polity Press. https://www.google.com.vn/books/edition/Discourse_and_Social_Change/3H3AoOmjX-oC?hl=en

Fairclough, N. (2010). *Critical discourse analysis: The critical study of language*. Longman. https://www.google.com.vn/books/edition/Critical_Discourse_Analysis/fdwDPwAACAAJ?hl=en

Fairclough, N. (2012). Critical discourse analysis. In Handford, M., & Gee, J. P. (Eds.), *The Routledge Handbook of Discourse Analysis* (1st ed.). Routledge. https://doi.org/10.4324/9780203809068

Fairclough, N. (2013). Critical discourse analysis and critical policy studies. *Critical Policy Studies, 7*(2), 177-197. https://doi.org/10.1080/19460171.2013.798239

Gu, J., & Deng, S. (2024). Rearticulating the promotion of Japanese language and culture from the perspective of "soft power": Planning and effects. *Frontiers in Psychology, 15*, Article 1371271. https://doi.org/10.3389/fpsyg.2024.1371271

Hellmann, D. C. (1979). Japan and Southeast Asia: Continuity amidst change. *Asian Survey, 19*(12), 1189-1198. https://doi.org/10.2307/2643964

Lowy Institute. (2025a). *Methodology*. Asia Power Index. https://power.lowyinstitute.org/methodology/

Lowy Institute. (2025b). *Asia Power Index 2025*. https://power.lowyinstitute.org/

Ministry of Foreign Affairs of Japan. (2011). *Japan-Philippines Joint Statement on the Comprehensive Promotion of the "Strategic Partnership" between Neighboring Countries Connected by Special Bonds of Friendship*. https://worldjpn.net/documents/texts/JPSEA/20110927.D1E.html

Ministry of Foreign Affairs of Japan. (2015). *Japan-Philippines joint declaration: A strengthened strategic partnership for advancing the shared principles and goals of peace, security, and growth in the region and beyond*. https://www.mofa.go.jp/s_sa/sea2/ph/page4e_000280.html

Ministry of Foreign Affairs of Japan. (2023). *Japan-Philippines summit meeting*. https://www.mofa.go.jp/s_sa/sea2/ph/page1e_000569.html

Nye, J. S., Jr. (1990). Soft power. *Foreign Policy, 80*, 153-171. https://doi.org/10.2307/1148580

Nye, J. S., Jr. (2004). *Soft power: The means to success in world politics*. PublicAffairs. https://books.google.com.vn/books/about/Soft_Power.html?hl=vi&id=wuqOAAAAMAAJ&redir_esc=y

Reisigl, M., & Wodak, R. (2015). The discourse-historical approach (DHA). In R. Wodak & M. Meyer (Eds.), *Methods of critical discourse studies* (3rd ed., pp. 23-61). Sage. https://sk.sagepub.com/book/edvol/methods-of-critical-discourse-studies-3e/chpt/2-discoursehistorical-approach-dha

Robertson, S. L. (2012). Researching global education policy: Angles in/on/out…. In A. Verger, M. Novelli, & H. Altinyelken (Eds.), *Global education policy and international development: New agendas, issues and practices*. Continuum. https://susan-lee-robertson.com/wp-content/uploads/2012/07/2012-robertson-researching-global.pdf

Tikly, L. P. (2016). Language-in-education policy in low-income, postcolonial contexts: Towards a social justice approach. *Comparative Education, 52*(3), 408-425. https://doi.org/10.1080/03050068.2016.1185272

Trinidad, D. D., & Chua, K. I. U. C. (Eds.). (2024). *Philippines-Japan Relations in the Twenty-First Century: Change and Direction* (1st ed.). Routledge. https://doi.org/10.4324/9781003486954

Velasco, S. (2023). Rethinking international collaboration: Philippines-Japan cultural exchange during the COVID-19 crisis. *Social Transformations Journal of the Global South, 11*(1), Article 4. https://doi.org/10.13185/2799-015x.1169